



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 | 14 - 41 |
| 8. Phụ lục 01: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Dự án Xenamnoy năm 2014 | 42 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh **50.000.000.000 VND**

Vốn pháp định **6.000.000.000 VND**

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại : (84-4) 62690743
Fax : (84-4) 62690741
Website : www.cavicoems.com.vn
Email : info@cmvietnam.vn
Mã số thuế : 0 1 0 2 3 0 7 3 4 3

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất;
 - Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê;
 - Xây dựng đường hầm;
 - Các công trình xây dựng khác không phải nhà cửa như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, kính phẳng, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước nóng, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su, dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
 - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
 - Cho thuê máy móc và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, xây dựng và văn phòng;
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
 - Cho thuê xe có động cơ;
 - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
 - Cung ứng lao động tạm thời;
 - Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo giấy phép số 209/LĐTBXH-GP ngày 9/11/2009);
 - Kinh doanh bất động sản, dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước.
- (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 42).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------|--------------|----------------------|----------------------|
| Ông Phạm Minh Phúc | Chủ tịch | 05 tháng 7 năm 2007 | |
| Ông Kim Ngọc Nhân | Phó Chủ tịch | 05 tháng 7 năm 2007 | |
| Ông Phạm Minh Hậu | Thành viên | 12 tháng 5 năm 2012 | 24 tháng 02 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Văn Phi | Thành viên | 31 tháng 3 năm 2011 | |
| Bà Nguyễn Thị Loan | Thành viên | 14 tháng 11 năm 2013 | |
| Ông Đào Tiến Dương | Thành viên | 25 tháng 02 năm 2014 | |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|------------|---------------------|
| Ông Phạm Hồng Anh | Trưởng ban | 12 tháng 5 năm 2012 |
| Bà Trương Thị Luyến | Thành viên | 12 tháng 5 năm 2012 |
| Ông Phạm Văn Trọng | Thành viên | 05 tháng 3 năm 2014 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Kim Ngọc Nhân | Tổng Giám đốc | 09 tháng 4 năm 2008 | |
| Ông Dương Ngọc Trường | Phó Tổng Giám đốc | 20 tháng 9 năm 2007 | |
| Ông Nguyễn Văn Phi | Phó Tổng Giám đốc | 10 tháng 10 năm 2011 | |
| Ông Đào Tiến Dương | Phó Tổng Giám đốc | 16 tháng 01 năm 2010 | 25 tháng 02 năm 2014 |
| Bà Đinh Thị Thủy | Phó Tổng Giám đốc | 25 tháng 02 năm 2014 | |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngày 23 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 160/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam, được lập ngày 23 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Phạm Quang Huy – Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 190.355.979.084 | 215.748.350.586 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 53.565.146.556 | 17.345.578.435 |
| 1. Tiền | 111 | | 26.838.942.703 | 17.345.578.435 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 26.726.203.853 | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 2.755.350.000 | 2.000.000.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 2.755.350.000 | 2.000.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 62.354.109.574 | 98.916.171.102 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 41.344.000.902 | 74.725.687.449 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 2.887.592.320 | 1.651.463.652 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 30.480.215.244 | 29.147.384.923 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.6 | (12.357.698.892) | (6.608.364.922) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 61.801.721.017 | 86.321.243.313 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 61.801.721.017 | 86.321.243.313 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 9.879.651.937 | 11.165.357.736 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 2.935.430.176 | 3.438.327.442 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 4.013.732.570 | 988.951.950 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.9 | 2.930.489.191 | 6.738.078.344 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 71.129.958.699 | 54.349.649.628 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 27.050.855.026 | 17.395.070.231 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.10 | 27.050.855.026 | 17.395.070.231 |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 18.465.974.911 | 14.487.802.965 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.11 | 18.270.483.577 | 14.272.832.701 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 33.112.977.727 | 23.237.473.071 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (14.842.494.150) | (8.964.640.370) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 195.491.334 | 5.515.264 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 247.455.000 | 38.000.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (51.963.666) | (32.484.736) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.13 | - | 209.455.000 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 24.558.554.420 | 21.030.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.14 | 21.030.000.000 | 21.030.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.15 | 3.528.554.420 | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.054.574.342 | 1.436.776.432 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.16 | 105.309.852 | 346.508.670 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.17 | 949.264.490 | 1.090.267.762 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 261.485.937.783 | 270.098.000.214 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 155.524.582.739 | 202.737.444.383 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 143.869.766.673 | 198.405.457.493 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.18 | 36.122.494.346 | 42.773.421.956 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.19 | 40.217.246.784 | 44.524.532.304 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.20 | 39.012.428.245 | 30.312.225.828 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.21 | 5.452.453.144 | 7.362.111.805 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 7.800.534.219 | 11.396.494.596 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.22 | 4.190.303.804 | 54.623.069.185 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.23 | 9.751.054.819 | 6.327.780.273 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.24 | 1.323.251.312 | 1.085.821.546 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 11.654.816.066 | 4.331.986.890 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | V.25 | 8.402.335.864 | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | V.26 | 125.121.600 | 1.448.621.600 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.27 | 2.581.864.970 | 2.883.365.290 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | V.28 | 545.493.632 | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 105.961.355.044 | 67.360.555.831 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.29 | 105.961.355.044 | 67.360.555.831 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 80.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 877.646.070 | 877.646.070 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 2.198.065.571 | 1.598.491.154 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 22.885.643.403 | 14.884.418.607 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 261.485.937.783 | 270.098.000.214 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|--------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | 199.136,32 | 31.938,51 |
| Kip Laos (LAK) | | 2.413.920,00 | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Người lập biểu



Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2015



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 367.864.745.481 | 246.060.994.568 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 367.864.745.481 | 246.060.994.568 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 323.731.894.521 | 210.524.724.897 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 44.132.850.960 | 35.536.269.671 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 4.002.560.761 | 10.908.507.320 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 5.008.095.106 | 5.726.609.196 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 4.549.995.233 | 5.196.620.750 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.5 | 21.394.884.800 | 18.199.286.206 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 21.732.431.815 | 22.518.881.589 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 18.401.180.465 | 4.032.539.815 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 18.904.885.603 | 1.562.484.328 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (503.705.138) | 2.470.055.487 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 21.228.726.677 | 24.988.937.076 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.21 | 4.763.731.031 | 3.994.018.889 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>16.464.995.646</u> | <u>20.994.918.187</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | | - |

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2015



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 21.228.726.677 | 24.988.937.076 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 5.991.214.149 | 4.700.764.931 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 5.749.333.970 | 6.462.014.922 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | VI.4 | 110.959.836 | 375.344.025 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (3.236.545.068) | (10.985.037.289) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 4.549.995.233 | 5.196.620.750 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 34.393.684.797 | 30.738.644.415 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 23.580.910.704 | 30.693.713.601 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 24.519.522.296 | (32.296.809.597) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (36.407.210.407) | 48.200.074.163 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 744.096.084 | (3.232.138.103) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (4.534.803.702) | (10.360.574.418) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.21 | (6.947.569.197) | (4.681.033.823) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 18.869.972.046 | 4.721.623.984 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (20.462.572.208) | (7.729.162.165) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 33.756.030.413 | 56.054.338.057 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (10.308.513.578) | (7.474.573.396) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 540.909.091 | 409.090.909 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (6.283.904.420) | (2.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 2.000.000.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (3.792.059.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 100.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.081.180.819 | 171.345.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (12.970.328.088) | (12.586.196.487) |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết | | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|------------|-----------------------|-------------------------|
| | số | minh | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | V.29 | 30.000.000.000 | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 151.766.723.372 | 134.884.211.855 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (158.807.828.936) | (187.566.265.615) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (7.529.013.000) | (9.970.987.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>15.429.881.436</i> | <i>(62.653.040.760)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 36.215.583.761 | (19.184.899.190) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 17.345.578.435 | 36.530.237.013 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại | 61 | | 3.984.360 | 240.612 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 53.565.146.556 | 17.345.578.435 |

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty **cổ phần**
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, **thương mại**.
- Ngành nghề kinh doanh** : **Xây dựng** và cung ứng nhân lực.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có **163** nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 283 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày **01** tháng **01** và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng **Việt Nam (VND)**.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

AS
HI
CÓ
IN
TO
A
AF
7/11

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 4 – 6 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 |

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 26 tháng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

| | | | |
|---|------------|----------|---------|
| Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: | 31/12/2014 | : 21.398 | VND/USD |
| | | 2,66 | VND/LAK |
| | 31/12/2013 | : 21.079 | VND/USD |
| | | 2,80 | VND/LAK |

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

04
NH
TY
HUB
TU
101
P.1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 2.539.253.738 | 729.093.201 |
| Tiền gửi ngân hàng | 17.884.167.595 | 16.616.485.234 |
| Tiền đang chuyển | 6.415.521.370 | - |
| Các khoản tương đương tiền | 26.726.203.853 | - |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống | 26.726.203.853 | - |
| Cộng | <u>53.565.146.556</u> | <u>17.345.578.435</u> |

2. Đầu tư ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Cho ông Nguyễn Văn Phi vay | - | 1.500.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống | 2.755.350.000 | 500.000.000 |
| Cộng | <u>2.755.350.000</u> | <u>2.000.000.000</u> |

3. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| SK Engineering and Construction Co.,Ltd | 10.013.241.616 | - |
| Công ty TNHH CM Xây dựng | - | 36.452.368.612 |
| Công ty Xây dựng Mỏ hầm lò II-TKV | - | 5.104.995.187 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hảo | - | 3.872.355.844 |
| Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4 | 7.210.896.000 | 6.961.181.002 |
| Công ty Cổ phần Than điện Nông Sơn Vinacomin | 6.581.077.539 | - |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp - Môi trường Nhân Cơ - TKV | 6.023.140.192 | - |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 505 | 4.303.208.676 | 7.981.317.298 |
| Công ty TNHH CH.KARNCHANG | 2.176.789.201 | 5.535.016.424 |
| Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm - Vinacomin | 1.758.270.841 | 1.822.800.570 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ nền móng Ninh Bình | 788.530.282 | 788.530.282 |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện | 704.446.925 | 704.446.925 |
| Công ty Cojaal - Algeria - Containteen | 530.518.866 | 4.030.332.878 |
| PARAS CM JV SDN BHD - Malaysia | - | 676.259.123 |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm | 414.088.351 | 414.088.351 |
| Các đối tượng khác | 839.792.413 | 381.994.953 |
| Cộng | <u>41.344.000.902</u> | <u>74.725.687.449</u> |

4. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát | 831.674.428 | - |
| Doanh nghiệp tư nhân Song Nguyên | 600.000.000 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Sản xuất Trường Thịnh Đăk Nông | 399.999.900 | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Việt Thành | 250.000.000 | - |
| Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng IDICO | 200.000.000 | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Á | - | 320.700.000 |
| Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh | - | 243.443.327 |
| Công ty Cổ phần Phát triển LQ | - | 225.000.000 |
| Các đối tượng khác | 605.917.992 | 862.320.325 |
| Cộng | <u>2.887.592.320</u> | <u>1.651.463.652</u> |
| 5. Các khoản phải thu khác | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Phải thu về tiền thuế dịch vụ 10% phải nộp ở nước ngoài | - | 171.376.659 |
| Phải thu về lại tiền gửi | 255.266.233 | - |
| Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên | 21.540.049.741 | 21.540.049.741 |
| Công ty TNHH Cavico Việt Nam | 3.496.016.333 | 3.838.289.539 |
| Phải thu về tiền thù lao HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành tạm chỉ | 256.188.710 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào | - | 1.504.000.000 |
| Doanh thu chưa xuất hóa đơn | - | 1.722.418.470 |
| Lợi nhuận được chia | 1.698.316.408 | - |
| Ông Nguyễn Văn Hiếu | 811.224.691 | - |
| Ông Trần Văn Trung | 2.229.788.577 | - |
| Các khoản phải thu khác | 193.364.551 | 371.250.514 |
| Cộng | <u>30.480.215.244</u> | <u>29.147.384.923</u> |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán | 12.357.698.892 | 6.608.364.922 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm | - | 6.462.014.922 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm | 11.718.236.044 | - |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm | 493.112.848 | - |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên | 146.350.000 | 146.350.000 |
| Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi | - | - |
| Cộng | <u>12.357.698.892</u> | <u>6.608.364.922</u> |
| Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau: | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Số đầu năm | 6.608.364.922 | 146.350.000 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 5.749.333.970 | 6.462.014.922 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối năm | <u>12.357.698.892</u> | <u>6.608.364.922</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường | - | 141.821.906 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 7.247.839.529 | 4.988.542.306 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 54.553.881.488 | 81.190.879.101 |
| Cộng | <u>61.801.721.017</u> | <u>86.321.243.313</u> |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 2.646.114.840 | 1.629.662.947 |
| Chi phí thuê văn phòng | - | 109.618.835 |
| Phí bảo lãnh | - | 143.401.169 |
| Chi phí sửa chữa | 32.129.999 | 204.872.584 |
| Chi phí bảo hiểm | 19.558.864 | 202.054.598 |
| Chi phí vận chuyển, lắp đặt | - | 179.769.097 |
| Chi phí dịch vụ xuất - nhập cảnh | - | 454.496.211 |
| Chi phí khác | 237.626.473 | 514.452.001 |
| Cộng | <u>2.935.430.176</u> | <u>3.438.327.442</u> |

9. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tạm ứng | 1.771.404.553 | 5.180.766.347 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | - | 85.804.126 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.159.084.638 | 1.471.507.871 |
| Cộng | <u>2.930.489.191</u> | <u>6.738.078.344</u> |

10. Phải thu dài hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc | 15.912.736.234 | 15.912.736.234 |
| Công ty Cổ phần Than điện Nông Sơn Vinacomin | 1.164.056.712 | - |
| Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 | 2.691.000.000 | - |
| Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4 | 3.987.356.000 | - |
| SK Engineering and Construction Co.,Ltd | 1.813.372.083 | - |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm | 1.482.333.997 | 1.482.333.997 |
| Cộng | <u>27.050.855.026</u> | <u>17.395.070.231</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|---|---------------------------|------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 13.268.652.333 | 9.680.222.512 | 288.598.226 | 23.237.473.071 |
| Tăng do mua sắm trong năm | 9.240.057.552 | 945.145.404 | 123.310.622 | 10.308.513.578 |
| Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán | - | (433.008.922) | - | (433.008.922) |
| Số cuối năm | 22.508.709.885 | 10.192.358.994 | 411.908.848 | 33.112.977.727 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 4.627.562.131 | 1.474.396.875 | 228.598.226 | 6.330.557.232 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 5.085.165.245 | 3.637.543.571 | 241.931.554 | 8.964.640.370 |
| Tăng do khấu hao trong năm | 4.175.770.306 | 1.742.608.211 | 53.356.702 | 5.971.735.219 |
| Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán | - | (93.881.439) | - | (93.881.439) |
| Số cuối năm | 9.260.935.551 | 5.286.270.343 | 295.288.256 | 14.842.494.150 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 8.183.487.088 | 6.042.678.941 | 46.666.672 | 14.272.832.701 |
| Số cuối năm | 13.247.774.334 | 4.906.088.651 | 116.620.592 | 18.270.483.577 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 17.233.230.208 VND và 9.593.380.368 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt, khoản vay tại Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên và khoản vay tại Ngân hàng TMCP Liên Việt.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy vi tính | Nhận diện thương hiệu | Cộng |
|---------------------------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 38.000.000 | - | 38.000.000 |
| Tăng do mua sắm trong năm | - | 209.455.000 | 209.455.000 |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 38.000.000 | 209.455.000 | 247.455.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 38.000.000 | - | 38.000.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 32.484.736 | - | 32.484.736 |
| Tăng do khấu hao trong năm | 5.515.264 | 13.963.666 | 19.478.930 |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 38.000.000 | 13.963.666 | 51.963.666 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Phần mềm máy vi tính | Nhận diện thương hiệu | Cộng |
|------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------|
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 5.515.264 | - | 5.515.264 |
| Số cuối năm | - | 195.491.334 | 195.491.334 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng thương hiệu

| | Năm nay |
|-------------------------------|----------------|
| Số đầu năm | 209.455.000 |
| Chi phí phát sinh trong năm | - |
| Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | (209.455.000) |
| Số cuối năm | - |

14. Đầu tư vào công ty con

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|--------------------|----------------|-------------------|----------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | 2.103.000 | 21.030.000.000 | 2.103.000 | 21.030.000.000 |

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103039377 ngày 24 tháng 07 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây lắp Nam Việt (nay là Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại) 21.030.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ.

15. Đầu tư dài hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------|----------------------|-------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn 2 năm | 1.685.702.876 | - |
| Tiền gửi có kỳ hạn 3 năm | 1.842.851.544 | - |
| Cộng | 3.528.554.420 | - |

16. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Phân bổ vào chi phí trong năm | Giảm do thanh lý, nhượng bán | Số cuối năm |
|-------------------------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|--------------------|
| | | | | | |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 67.113.728 | - | (46.211.566) | (8.723.958) | 12.178.204 |
| Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng | 279.394.942 | - | (186.263.294) | - | 93.131.648 |
| Cộng | 346.508.670 | - | (232.474.860) | (8.723.958) | 105.309.852 |

17. Tài sản dài hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|----------------------|
| Bảo lãnh thực hiện hợp đồng | 733.764.490 | 876.267.762 |
| Đặt cọc thuê nhà dài hạn | 212.000.000 | 212.000.000 |
| Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác | 3.500.000 | 2.000.000 |
| Cộng | 949.264.490 | 1.090.267.762 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vay và nợ ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 32.120.994.026 | 36.247.196.492 |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt | 23.120.994.026 | 24.964.887.492 |
| - Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội | 9.000.000.000 | - |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tây Hồ | - | 11.282.309.000 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | 700.000.000 | 4.200.000.000 |
| - Vay Bà Phạm Thị Hiếu | - | 1.400.000.000 |
| - Vay Ông Nguyễn Hữu Mạnh | 700.000.000 | 1.200.000.000 |
| - Vay Bà Phạm Minh Hậu | - | 1.600.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 3.301.500.320 | 2.326.225.464 |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt | 448.484.848 | 448.484.848 |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên | 1.074.183.472 | 1.432.240.616 |
| - Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội | 1.778.832.000 | 445.500.000 |
| Cộng | <u>36.122.494.346</u> | <u>42.773.421.956</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Số kết chuyển</u> | <u>Tăng do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|------------------------------|--|-----------------------------|--|-------------------------------------|------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 36.247.196.492 | 117.114.407.372 | - | 88.677.634 | (121.329.287.472) | 32.120.994.026 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | 4.200.000.000 | 31.652.316.000 | - | - | (35.152.316.000) | 700.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 2.326.225.464 | - | 3.301.500.320 | - | (2.326.225.464) | 3.301.500.320 |
| Cộng | <u>42.773.421.956</u> | <u>148.766.723.372</u> | <u>3.301.500.320</u> | <u>88.677.634</u> | <u>(158.807.828.936)</u> | <u>36.122.494.346</u> |

19. Phải trả người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào | 8.080.414.058 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Á Châu | 1.468.600.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thủy sản Nam Khánh | 1.283.889.454 | - |
| Công ty Cổ phần TKD | 946.863.360 | - |
| Công ty TNHH Dịch vụ khoan và Nổ mìn Trường Sơn | 927.688.833 | - |
| Công ty TNHH Xăng dầu Dầu khí Lào - PetroVietnam Oil Lao | 704.852.300 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng Hoài Anh | 523.367.160 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | 2.116.382.035 | 10.194.579.183 |
| Công ty TNHH CM Xây dựng | 10.100.705.714 | 7.495.194.647 |
| Công ty TNHH Hòa Hiệp | 6.500.000 | 6.091.886.942 |
| Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng | 926.998.305 | 5.746.510.289 |
| Công ty Cổ phần CS Miền Trung | 1.381.634.600 | 2.253.180.598 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Bản Việt | 2.392.333.778 | 2.223.201.031 |
| Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL | 303.520.000 | 1.846.400.000 |
| Ông Kim Ngọc Loan | - | 1.102.448.000 |
| Công ty Cổ phần Máy công trình Việt Nam | 684.320.000 | 714.320.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 505 | 3.899.458.263 | 541.067.772 |
| Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam | - | 535.375.366 |
| DNTN Xây dựng Kim Thành | 18.564.600 | 459.317.800 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại BMK Việt Nam | - | 442.733.409 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dương Minh Thịnh | - | 438.370.412 |
| Công ty Cổ phần Thịnh Cường | 437.048.237 | 437.048.237 |
| Các đối tượng khác | 4.014.106.087 | 4.002.898.618 |
| Cộng | <u>40.217.246.784</u> | <u>44.524.532.304</u> |

20. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc | 1.942.830.855 | 1.742.830.855 |
| Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 11.424.285.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp - Môi trường Nhân Cơ - TKV | 9.598.635.282 | 9.994.457.599 |
| Ban quản lý dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng hệ thống kênh mương công trình thủy lợi Ngân Trươi - Cẩm Trang | 2.900.000.000 | 4.650.000.000 |
| SK Engineering and Construction Co.,Ltd | 13.146.677.108 | - |
| Công ty TNHH Một thành viên 185 | - | 122.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm - Vinacomin | - | 9.002.937.374 |
| Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 1 | - | 4.800.000.000 |
| Cộng | <u>39.012.428.245</u> | <u>30.312.225.828</u> |

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|---|-----------------------------|----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở trong nước | 5.482.743.278 | 3.133.366.939 | (6.656.059.203) | 1.960.051.014 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở nước ngoài | - | 1.630.364.092 | (291.509.994) | 1.338.854.098 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.879.368.527 | 641.055.280 | (366.875.775) | 2.153.548.032 |
| Cộng | <u>7.362.111.805</u> | <u>5.404.786.311</u> | <u>(7.314.444.972)</u> | <u>5.452.453.144</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---------------------------------|-----|
| Dịch vụ xây dựng | 10% |
| Bán hàng hóa | 10% |
| Cung ứng nhân lực ra nước ngoài | 0% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------|-------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 21.228.726.677 | 24.988.937.076 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 424.596.191 | (9.012.861.522) |
| Chi phí khấu hao tương ứng với phần nguyên giá xe ô tô vượt trên 1,6 tỷ VND | 2.498.256.624 | 1.569.208.329 |
| Phạt chậm nộp tiền thuế | 506.705.280 | 456.557.912 |
| Phạt chậm nộp BHXH | 700.000 | 265.827.503 |
| Chi phí không phục vụ sản xuất kinh doanh | 305.967.088 | - |
| Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh | 24.895.174 | 98.995.383 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2013 | 932.608.885 | 188.712.084 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2014 | - | 375.344.025 |
| Chi phí xử lý tài sản thiếu | 110.959.836 | - |
| Thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài không được giảm trừ | 85.804.126 | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | 530.616.235 | 183.771.423 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2013 | (2.073.660.433) | (10.582.069.851) |
| Lợi nhuận, cổ tức được chia | (375.344.025) | - |
| Thu nhập tính thuế | <u>(1.698.316.408)</u> | <u>(10.582.069.851)</u> |
| Trong đó: | 21.653.322.868 | 15.976.075.555 |
| Thu nhập từ hoạt động ở nước ngoài | 7.410.745.874 | 3.171.873.220 |
| Thu nhập từ hoạt động ở trong nước | 14.242.576.994 | 24.302.621.700 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 4.763.731.031 | 3.994.018.889 |
| Trong đó: | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông cho hoạt động ở nước ngoài | 1.630.364.092 | 697.812.108 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông cho hoạt động ở trong nước | <u>3.133.366.939</u> | <u>5.346.576.774</u> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | <u>4.763.731.031</u> | <u>3.994.018.889</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

22. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Phải trả về sản lượng xây lắp hoàn thành | 1.439.035.866 | 50.675.484.963 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 245.798.447 | 230.606.916 |
| Phí quản lý dự án | 2.505.469.491 | 2.608.729.266 |
| Chi phí thuê máy | - | 216.827.874 |
| Chi phí phải trả khác | - | 891.420.166 |
| Cộng | <u>4.190.303.804</u> | <u>54.623.069.185</u> |

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp | 1.686.048.285 | 1.353.727.088 |
| Kinh phí công đoàn | 353.746.330 | 343.830.229 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 479.900.000 | 1.075.660.000 |
| Vay các cá nhân không tính lãi | - | 317.144.431 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát | 1.120.314.660 | 767.163.000 |
| Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng | 5.111.827.647 | - |
| Công ty TNHH Hòa Hiệp | - | 270.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc | 217.085.878 | 184.577.078 |
| Dự án Bản Mòng Sơn La | - | 105.226.451 |
| Cổ tức phải trả | - | 29.013.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 782.132.019 | 1.881.438.996 |
| Cộng | <u>9.751.054.819</u> | <u>6.327.780.273</u> |

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------|-----------------------------|---------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 740.095.637 | 119.914.883 | - | 860.010.520 |
| Quỹ phúc lợi | 345.725.909 | 119.914.883 | (2.400.000) | 463.240.792 |
| Cộng | <u>1.085.821.546</u> | <u>239.829.766</u> | <u>(2.400.000)</u> | <u>1.323.251.312</u> |

25. Phải trả dài hạn người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Sông Đà 505 | 2.979.182.278 | - |
| Công ty TNHH Hòa Hiệp | 2.401.825.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào | 1.971.479.433 | - |
| Các đối tượng khác | 1.049.849.153 | - |
| Cộng | <u>8.402.335.864</u> | <u>-</u> |

26. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ của lao động tại các dự án tại nước ngoài.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

27. Vay và nợ dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt ⁽ⁱ⁾ | 469.696.970 | 918.181.818 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên ⁽ⁱⁱ⁾ | - | 1.074.183.472 |
| Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 2.112.168.000 | 891.000.000 |
| Cộng | 2.581.864.970 | 2.883.365.290 |

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt để mua trạm trộn bê tông và máy cày quy 50 với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng với lãi suất thay đổi theo thị trường tại từng thời điểm, thời hạn vay 42 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Liên Việt để mua xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L với lãi suất 14%/năm, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 05 tháng 02 năm 2014. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 3.301.500.320 | 2.326.225.464 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 2.581.864.970 | 2.883.365.290 |
| Trên 5 năm | - | - |
| Tổng nợ | 5.883.365.290 | 5.209.590.754 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn trong năm như sau

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Số kết chuyển | Số cuối năm |
|---|----------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------|----------------------|
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt | 918.181.818 | - | - | - | 918.181.818 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên | 1.074.183.472 | - | - | - | 1.074.183.472 |
| Ngân hàng TMCP Liên Việt | 891.000.000 | 3.000.000.000 | - | (3.301.500.320) | 589.499.680 |
| Cộng | 2.883.365.290 | 3.000.000.000 | - | (3.301.500.320) | 2.581.864.970 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

28. Doanh thu chưa thực hiện

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Doanh thu cho thuê nhà | 36.818.182 | - |
| Doanh thu bán hàng hóa đã xuất hóa đơn nhưng chưa bàn giao hàng | 508.675.450 | - |
| Cộng | 545.493.632 | - |

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Quỹ dự phòng tài chính</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------------|----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|--|------------------------|
| Số đầu năm trước | 50.000.000.000 | 877.646.070 | 752.819.791 | 5.706.843.146 | 57.337.309.007 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 20.994.918.187 | 20.994.918.187 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | - | 845.671.363 | (1.691.342.726) | (845.671.363) |
| Phụ cấp HĐQT | - | - | - | (126.000.000) | (126.000.000) |
| Chia cổ tức năm trước | - | - | - | (10.000.000.000) | (10.000.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 50.000.000.000 | 877.646.070 | 1.598.491.154 | 14.884.418.607 | 67.360.555.831 |
| Số dư đầu năm nay | 50.000.000.000 | 877.646.070 | 1.598.491.154 | 14.884.418.607 | 67.360.555.831 |
| Góp vốn bằng tiền | 30.000.000.000 | - | - | - | 30.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 16.464.995.646 | 16.464.995.646 |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | - | 599.574.417 | (839.404.183) | (239.829.766) |
| Phụ cấp HĐQT | - | - | - | (124.366.667) | (124.366.667) |
| Chia cổ tức năm nay | - | - | - | (7.500.000.000) | (7.500.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | 80.000.000.000 | 877.646.070 | 2.198.065.571 | 22.885.643.403 | 105.961.355.044 |

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Trả cổ tức năm trước | 7.529.013.000 | 9.970.987.000 |
| Tạm ứng cổ tức | - | - |
| Cộng | 7.529.013.000 | 9.970.987.000 |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.000.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 8.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 8.000.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 8.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 8.000.000 | 5.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 31.742.883.056 | 16.796.522.690 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.719.344.986 | 1.210.806.718 |
| Doanh thu hoạt động xây dựng | 334.402.517.439 | 228.053.665.160 |
| Cộng | <u>367.864.745.481</u> | <u>246.060.994.568</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp | 30.903.815.860 | 15.451.016.700 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 1.022.151.835 | 682.350.145 |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng (*) | 291.805.926.826 | 194.391.358.052 |
| Cộng | <u>323.731.894.521</u> | <u>210.524.724.897</u> |

(*) Giá vốn hợp đồng xây dựng như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp | 112.351.204.901 | 91.943.995.644 |
| Chi nhân công trực tiếp | 128.310.482.097 | 64.342.092.975 |
| Chi phí sử dụng máy thi công | 23.916.355.438 | 15.284.898.075 |
| Chi phí sản xuất chung | 53.864.882.003 | 53.762.224.517 |
| Tổng chi phí sản xuất | 318.442.924.439 | 225.333.211.211 |
| Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | (26.636.997.613) | (30.941.853.159) |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | <u>291.805.926.826</u> | <u>194.391.358.052</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay | 1.336.447.052 | 171.345.000 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 108.564.237 | 85.039.469 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.698.316.408 | 10.582.069.851 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 765.987.963 | 70.053.000 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 93.245.101 | - |
| Cộng | <u>4.002.560.761</u> | <u>10.908.507.320</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 4.549.995.233 | 5.196.620.750 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 347.140.037 | 154.644.421 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 110.959.836 | 375.344.025 |
| Cộng | <u>5.008.095.106</u> | <u>5.726.609.196</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 7.175.882.890 | 5.203.322.886 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 425.688.907 | 322.711.928 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.132.436.262 | 1.198.340.836 |
| Thuế, phí và lệ phí | 528.640.728 | 194.651.697 |
| Chi phí dự phòng | 5.749.333.970 | 6.462.014.922 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.382.902.043 | 4.238.217.794 |
| Chi phí bằng tiền khác | - | 580.026.143 |
| Cộng | <u>21.394.884.800</u> | <u>18.199.286.206</u> |

6. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 540.909.091 | 409.090.909 |
| Thu phí quản lý công ty thành viên | - | 2.516.246.305 |
| Thu từ bán vật liệu nổ | 2.299.343.512 | - |
| Thu từ nhượng lại dịch vụ nổ mìn và thiết kế kho | 1.722.915.630 | - |
| Thu từ bán tiền điện | 215.531.299 | 156.983.794 |
| Thu từ thanh lý vật tư | 12.805.153.046 | 435.138.444 |
| Thu từ cho thuê lán, trại | 384.508.400 | - |
| Thu từ hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị | - | 121.235.182 |
| Các khoản thu nhập khác | 432.819.487 | 393.845.181 |
| Cộng | <u>18.401.180.465</u> | <u>4.032.539.815</u> |

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý | 339.127.483 | 177.468.471 |
| Giá vốn vật liệu nổ | 2.299.343.512 | - |
| Chi phí dịch vụ nổ mìn | 1.035.115.966 | - |
| Chi phí tiền điện | 206.741.992 | 68.082.148 |
| Chi phí phạt chậm nộp Bảo hiểm | 305.967.088 | - |
| Giá trị vật tư thanh lý | 13.859.382.516 | 563.407.082 |
| Chi phí sửa chữa | - | 107.445.182 |
| Chi phí thuế bị phạt | - | 265.827.503 |
| Chi phí thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài không được khấu trừ | 530.616.235 | 183.771.423 |
| Chi phí khác | 328.590.811 | 196.482.519 |
| Cộng | <u>18.904.885.603</u> | <u>1.562.484.328</u> |

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------|----------------|------------------|
| <i>Hội đồng quản trị</i> | | |
| Vay ngắn hạn HĐQT | - | 1.800.000.000 |
| Thanh toán tiền vay ngắn hạn cho HĐQT | - | 200.000.000 |
| Cho HĐQT vay không tính lãi | - | 880.000.000 |
| Cổ tức đã chi trả cho HĐQT | 93.436.531 | 823.004.000 |
| Thu tiền lãi cho vay | 145.592.778 | - |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|--------------------|----------------------|
| Hội đồng quản trị | 223.974.424 | - |
| Ban điều hành | 49.139.286 | - |
| Cộng nợ phải thu | 273.113.710 | - |
| Hội đồng quản trị | 173.596.663 | 1.601.000.000 |
| Ban điều hành | - | 8.683.000 |
| Cộng nợ phải trả | 173.596.663 | 1.609.683.000 |

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương | 2.476.014.677 | 1.882.071.330 |
| Phụ cấp | 124.366.667 | 126.000.000 |
| Cộng | 2.600.381.344 | 2.008.071.330 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|-----------------------|
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | Công ty con trực tiếp |
| Công ty TNHH CM Xây dựng | Công ty con gián tiếp |
| Công ty Cổ phần CM Thành Đông | Công ty con gián tiếp |

Các giao dịch chủ yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| <i>Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại</i> | | |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 64.507.368 | - |
| Nhận tiền vay ngắn hạn | - | 36.603.100.000 |
| Thanh toán tiền vay ngắn hạn | - | 57.789.660.218 |
| Lãi vay phải trả | - | 435.455.479 |
| Mua hàng hóa | - | 68.567.800.275 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Lợi nhuận nhận được từ Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | 1.698.316.408 | 2.267.838.065 |
| Công ty TNHH CM Xây dựng | | |
| Bù trừ công nợ | 36.452.368.612 | - |
| Mua TSCĐ thanh lý | 3.958.922.490 | 4.126.159.005 |
| Khối lượng xây lắp hoàn thành | 32.566.590.922 | 16.377.173.917 |
| Thuê máy móc, phương tiện vận tải của Công ty TNHH CM Xây dựng | 2.390.593.476 | 3.615.916.218 |
| Cho Công ty TNHH CM Xây dựng thuê máy, thiết bị văn phòng | - | 1.938.553.479 |
| Lợi nhuận nhận được từ Công ty TNHH CM Xây dựng | - | 8.314.231.786 |
| Công ty Cổ phần CM Thành Đông | | |
| Cho CM Thành Đông vay | 266.000.000 | - |
| Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần CM Thành Đông | - | 100.000.000 |
| Góp vốn vào Công ty Cổ phần CM Thành Đông | - | 3.792.059.000 |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH CM Xây dựng | | |
| Phải thu khách hàng | - | 36.452.368.612 |
| Cộng nợ phải thu | - | 36.452.368.612 |
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và thương mại | | |
| Phải trả người bán | 2.116.382.035 | 10.194.579.183 |
| Công ty TNHH CM Xây dựng | | |
| Phải trả người bán | 10.100.705.714 | 7.495.194.647 |
| Cộng nợ phải trả | 17.689.773.830 | 17.689.773.830 |

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa.
- Lĩnh vực dịch vụ: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực xây lắp | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực dịch vụ | Cộng |
|---|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 334.402.517.439 | 31.742.883.056 | 1.719.344.986 | 367.864.745.481 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 334.402.517.439 | 31.742.883.056 | 1.719.344.986 | 367.864.745.481 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 42.596.590.613 | 839.067.196 | 697.193.151 | 44.132.850.960 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (21.394.884.800) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 22.737.966.160 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 4.002.560.761 |
| Chi phí tài chính | | | | (5.008.095.106) |
| Thu nhập khác | | | | 18.401.180.465 |
| Chi phí khác | | | | (18.904.885.603) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (4.763.731.031) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 16.464.995.646 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 9.370.816.133 | 889.516.990 | 48.180.456 | 10.308.513.578 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 5.657.561.095 | 537.039.319 | 29.088.595 | 6.223.689.009 |
| Năm trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 228.053.665.160 | 16.796.522.690 | 1.210.806.718 | 246.060.994.568 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 228.053.665.160 | 16.796.522.690 | 1.210.806.718 | 246.060.994.568 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 33.662.307.108 | 1.345.505.990 | 528.456.573 | 35.536.269.671 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (18.199.286.206) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 17.336.983.465 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 10.908.507.320 |
| Chi phí tài chính | | | | (5.726.609.196) |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Lĩnh vực xây lắp | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực dịch vụ | Cộng |
|---|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Thu nhập khác | | | | 4.032.539.815 |
| Chi phí khác | | | | (1.562.484.328) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (3.994.018.889) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 20.994.918.187 |

| | | | | |
|---|----------------------|--------------------|-------------------|----------------------|
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 6.927.566.319 | 510.226.506 | 36.780.570 | 7.474.573.396 |
|---|----------------------|--------------------|-------------------|----------------------|

| | | | | |
|---|----------------------|--------------------|-------------------|----------------------|
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 4.371.646.517 | 321.978.863 | 23.210.410 | 4.716.835.790 |
|---|----------------------|--------------------|-------------------|----------------------|

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực xây lắp | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực dịch vụ | Cộng |
|--|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 41.415.533.632 | 788.530.282 | 254.521.626 | 42.458.585.540 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 72.966.273.385 | 6.926.263.297 | 375.159.246 | 80.267.695.928 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 138.759.656.315 |
| Tổng tài sản | | | | 261.485.937.783 |

| | | | | |
|--|----------------|---------------|-------------|------------------------|
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 50.542.122.711 | - | 605.021.600 | 51.147.144.311 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 80.295.729.337 | 7.622.005.856 | 412.843.960 | 88.330.579.153 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 16.046.859.275 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 155.524.582.739 |

| | | | | |
|--|-----------------|---------------|-------------|------------------------|
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 104.673.187.053 | 4.660.886.126 | 235.644.953 | 109.569.718.132 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 93.431.600.264 | 6.881.389.048 | 496.056.966 | 100.809.046.278 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 59.719.235.804 |
| Tổng tài sản | | | | 270.098.000.214 |

| | | | | |
|--|----------------|---------------|---------------|------------------------|
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 84.582.688.097 | 122.000.000 | 2.524.281.600 | 87.228.969.697 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 94.357.838.422 | 6.949.607.992 | 500.974.648 | 101.808.421.062 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 13.700.053.624 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 202.737.444.383 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Khu vực trong nước | 257.959.709.802 | 193.027.913.791 |
| Khu vực nước ngoài | 109.905.035.679 | 53.033.080.777 |
| Cộng | <u>367.864.745.481</u> | <u>246.060.994.568</u> |

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

| | <u>hạn khác</u> | | <u>Tài sản bộ phận</u> | |
|--------------------|------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Khu vực trong nước | 10.308.513.578 | 7.474.573.396 | 261.485.937.783 | 109.569.718.132 |
| Khu vực nước ngoài | - | - | - | - |
| Cộng | <u>10.308.513.578</u> | <u>7.474.573.396</u> | <u>261.485.937.783</u> | <u>109.569.718.132</u> |

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Công ty cho thành viên quản lý chủ chốt của công ty con vay tiền. Các cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|--|---|-----------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 53.565.146.556 | - | 53.565.146.556 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 6.283.904.420 | - | 6.283.904.420 |
| Phải thu khách hàng | 62.499.171.958 | 5.895.683.970 | 68.394.855.928 |
| Các khoản phải thu khác | 11.048.514.631 | 21.540.049.741 | 32.588.564.372 |
| Cộng | 53.565.146.556 | - | 53.565.146.556 |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.345.578.435 | - | 17.345.578.435 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 500.000.000 | - | 500.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 91.974.407.680 | 146.350.000 | 92.120.757.680 |
| Các khoản cho vay | 1.500.000.000 | - | 1.500.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 10.169.110.815 | 21.540.049.741 | 31.709.160.556 |
| Cộng | 121.489.096.930 | 21.686.399.741 | 143.175.496.671 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-----------------------|-------------------------|------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 36.122.494.346 | 2.581.864.970 | - | 38.704.359.316 |
| Phải trả người bán | 40.217.246.784 | 8.402.335.864 | - | 48.619.582.648 |
| Các khoản phải trả khác | 11.901.564.008 | 125.121.600 | - | 12.026.685.608 |
| Cộng | 88.241.305.138 | 11.109.322.434 | - | 99.350.627.572 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|------------------------|-------------------------|------------|------------------------|
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 42.773.421.956 | 2.883.365.290 | - | 45.656.787.246 |
| Phải trả người bán | 44.524.532.304 | - | - | 44.524.532.304 |
| Các khoản phải trả khác | 59.253.292.141 | 1.448.621.600 | - | 60.701.913.741 |
| Cộng | 146.551.246.401 | 4.331.986.890 | - | 150.883.233.291 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa và nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa và nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, LAK, MYR, DZD và THB do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | | |
|--|-------------------|---------------------|-------------------|----------------------|-------------------|------------------|---------------------|
| | USD | LAK | USD | LAK | MYR | DZD | THB |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 199.136,32 | 2.413.920,00 | 31.938,51 | - | - | - | - |
| Phải thu khách hàng | - | - | 191.201,33 | - | 105.605,26 | - | 8.575.172,24 |
| Phải trả người bán | - | - | - | (131.810.200) | - | (245.840) | - |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | 199.136,32 | 2.413.920,00 | 223.139,84 | (131.810.200) | 105.605,26 | (245.840) | 8.575.172,24 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 66.471.934 VND (năm trước giảm/tăng 70.553.471 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và LAK tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 100.168 VND do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 26.726.203.853 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 6.283.904.420 | 500.000.000 |
| Các khoản cho vay | - | 1.500.000.000 |
| Vay và nợ | 38.704.359.316 | 45.656.787.246 |
| Tài sản thuần | <u>71.714.467.589</u> | <u>47.656.787.246</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.063.700.245 VND (năm trước giảm/tăng 743.445.881 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa và nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính(tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | | |
|---|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Giá trị hợp lý | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 53.565.146.556 | - | 17.345.578.435 | - | 53.565.146.556 | 17.345.578.435 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 6.283.904.420 | - | 500.000.000 | - | 6.283.904.420 | 500.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 68.394.855.928 | (5.895.683.970) | 92.120.757.680 | (146.350.000) | 62.499.171.958 | 91.974.407.680 |
| Các khoản cho vay | - | - | 1.500.000.000 | - | - | 1.500.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 32.588.564.372 | (6.462.014.922) | 31.709.160.556 | (6.462.014.922) | 26.126.549.450 | 25.247.145.634 |
| Cộng | 53.565.146.556 | - | 17.345.578.435 | - | 53.565.146.556 | 17.345.578.435 |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|----------------|------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Vay và nợ | 38.704.359.316 | 45.656.787.246 | 38.704.359.316 | 45.656.787.246 | | |
| Phải trả người bán | 48.619.582.648 | 44.524.532.304 | 48.619.582.648 | 44.524.532.304 | | |
| Các khoản phải trả khác | 12.026.685.608 | 60.701.913.741 | 12.026.685.608 | 60.701.913.741 | | |
| Cộng | 99.350.627.572 | 150.883.233.291 | 99.350.627.572 | 150.883.233.291 | | |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

5. Những thông tin khác

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội.

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỰ ÁN XENAMNOY

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay |
|---|-------------------|-----------------|
| 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | (1) | 367.864.745.481 |
| 2. Doanh thu dự án Xaynamnoy | (2) | 36.125.165.641 |
| 3. Giá vốn dự án Xaynamnoy | (3) | 28.503.036.055 |
| 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp toàn Công ty | (4) | 21.394.884.800 |
| 5. Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | (5) | 5.749.333.970 |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp được phân bổ | (6) = (4) - (5) | 15.645.550.830 |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho dự án | (7) = (2)/(1)x(6) | 1.536.429.142 |
| 8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (8) | 6.085.700.444 |
| 9. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam | (9) | 22% |
| 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Việt Nam | (10) = (8)x(9) | 1.338.854.098 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (11) = (8) - (10) | 4.746.846.347 |

Người lập biểu



Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2015



Kim Ngọc Nhân

